

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 09-3-2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng
2. Ông Hoàng Sỹ Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 370/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX - ST ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc T sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, Lâm Đồng.

(Chị L, anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Nguyễn Khắc T xây dựng gia đình với nhau năm 2008 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay tụ tập bạn bè đi chơi và đánh bài không lo tu chí làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình. Chị cùng gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân từ

tháng 12/2017, trong thời gian này anh T đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì vậy, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị L xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 7/8/2009 và Nguyễn Thị B, sinh ngày 05/5/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung chị L xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Khắc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như kết quả phiên họp... nhưng anh Ân đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Đồng thời, anh T không xuất trình tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn bị đơn anh Nguyễn Khắc T đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt chị L và anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2008 trên cơ sở tình tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 29/4/2008. Quá trình chung sống không được hòa

thuận hạnh phúc nên chị L làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị L và anh T vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai chị L xác định không còn tình cảm với anh T còn anh T không có lời khai. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T phát sinh là do kinh tế gia đình khó khăn nhưng vợ chồng lại thiếu sự thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên thường xảy ra bất đồng. Mặc dù đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không được nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 12/2017, trong thời gian ly thân các đương sự không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 7/8/2009 và Nguyễn Thị B, sinh ngày 05/5/2011. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Như và cháu Ngọc đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, đồng thời từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai cháu vẫn sống cùng chị L ổn định nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về tài sản chung chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh T không có ý kiến trình bày cụ thể đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có tranh chấp và khi có đơn khởi kiện, được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L, xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Khắc T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 7/8/2009 và Nguyễn Thị B, sinh ngày 05/5/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Khắc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007053 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh